| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>TỈNH PHÚ THỌ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc |
|---|---|

Bản án số: 54/2020/DS-PT
Ngày: 28-7- 2020
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tòa phiên tòa*: Ông Nguyễn Kim Ái

*Các thẩm phán*: Ông Nguyễn Hà Giang

Ông Phạm Văn Toàn

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ***: Bà Nguyễn Thị Long Hà - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về "Tranh chấp chia di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2020/QĐPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962, địa chỉ: Khu 11, xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức Hậu, luật sư của Văn phòng luật sư Hùng Vương thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ; Có mặt.

*Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1954, địa chỉ: Khu 1, xã , huyện H, tỉnh Phú Thọ; Có mặt.

2. Ông Nguyễn Quốc L, sinh năm 1959, địa chỉ: Khu 11, xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ; Có mặt.

3. Ông Nguyễn Đình Ch, sinh năm 1966, địa chỉ: Khu 11, xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ; Có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Xuân Cộ, sinh năm 1956, địa chỉ: Khu 11, xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ; Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961, địa chỉ: Khu 10, xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1954, địa chỉ: Khu 11, xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ (Văn bản ủy quyền ngày 04 tháng 9 năm 2019). Có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971, địa chỉ: Khu 11, xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

4. Anh Nguyễn Như P, sinh năm 1984, địa chỉ: Khu 11, xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1985, địa chỉ: Khu 11, xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

2. Ông Lê Đình C, sinh năm 1962, địa chỉ: Khu 11, xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

(Những người làm chứng tòa án không triệu tập).

Người kháng cáo:

1. Ông Nguyễn Đình Đả, sinh năm 1954, địa chỉ: Khu 11, xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ - là bị đơn.

2. Ông Nguyễn Quốc Lc, sinh năm 1959, địa chỉ: Khu 11, xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ - là bị đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

Bố đẻ bà là cụ Nguyễn Đình L và mẹ đẻ là cụ Vũ Thị T có 08 người con đẻ là: Nguyễn Thị Minh, sinh năm 1950 (đã chết năm 2009); Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1954; Nguyễn Xuân C, sinh năm 1956; Nguyễn Quốc L, sinh năm 1959; Nguyễn Thị L, sinh năm 1961; Nguyễn Thị D sinh năm 1962; Nguyễn Đình Ch, sinh năm 1966; Nguyễn Thị H, sinh năm 1971.

Các anh chị em đều có gia đình và ở riêng. Bà Minh không lập gia đình nên ở cùng bố mẹ. Năm 1997 bà và hai người con về ở trên một phần diện tích đất của các cụ. Năm 1999 cụ Liên chết. Năm 2009 bà Minh chết. Tháng 4/2014 cụ Tần lập di chúc với nội dung chia diện tích đất thổ cư, đất ruộng và các diện tích đất chè đang sử dụng, trong đó cụ cắt chia cho bà 488m2 đất vườn để làm nhà ở. Bản di chúc được lập ngày 10/4/2014, do không viết được nên cụ Tần có nhờ người cháu là Nguyễn Thị Kim Huế viết hộ và cũng là người làm chứng, có ông Lê Đình Cung, trưởng khu hành chính 11 làm chứng, cụ Tần điểm chỉ. Sau khi hoàn thành bản di chúc, cụ mang đến UBND xã Yên Kỳ xin chứng thực thì mới phát hiện ra Giấy chứng nhận QSD đất đứng tên bà Nguyễn Thị Minh là con gái cụ. Đến đầu năm 2015, sau khi được UBND huyện Hạ Hòa giải quyết và cấp đổi lại Giấy chứng nhận QSD đất đứng tên cụ Vũ Thị Tần, cụ lập lại bản di chúc. Bản di chúc này đề ngày 18/01/2015, cụ Tần vẫn nhờ người cháu là Nguyễn Thị Kim Huế viết và là người làm chứng, ông Cung trưởng khu 11 ký làm chứng, cụ điểm chỉ. Về nội dung của bản di chúc này vẫn giữ y nguyên nội dung của bản di chúc trước. Bà đã đưa cụ Tần đem bản di chúc này đến UBND xã Yên Kỳ xin chứng thực và đã gửi lại Ủy ban xã Yên Kỳ. Tháng 03/2015 cụ Tần chết. Được 100 ngày bà mới đến Ủy ban nhân dân xã Yên Kỳ lấy về nhưng bản di chúc của cụ Tần không được chứng thực.

Bà xác định di sản của bố mẹ để lại gồm những tài sản đã được thẩm định và định giá gồm:

- Đất thổ cư: 1.088m$^2$ (trong đó 300m$^2$ đất ở, 788m$^2$ đất vườn) tại thửa số 80, tờ bản đồ số 22 – khu 11 xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa (Giấy CNQSD đất số BV509485 do UBND huyện Hạ Hòa cấp ngày 15/01/2015 đứng tên cụ Vũ Thị Tần), trị giá 108.225.600đ (trong đó đất ở trị giá 60.000.000đ, đất vườn trị giá 48.225.600đ).

- 01 nhà xây 4 gian lợp Proximang, sườn gỗ, xây tường bao quanh bằng gạch chỉ, trị giá: 40.000.000đ. 01 nhà bếp bằng gỗ 2 gian lợp Proximang, sườn gỗ, vách toocxi, trị giá 500.000đ. 01 sân láng vữa xi măng, trị giá 300.000đ. 01 giếng đào chiều sâu 11m kè gạch chỉ, xây tang, trị giá 6.000.000đ. 01 bể xây gạch chỉ + nhà tắm , trị giá 2.000.000đ. Trên đất có một số cây lâm lộc: cây xoài, cây chay, cây bưởi, cây xoan, cây cọ, 02 búi tre giá trị nhỏ nên giữ nguyên hiện trạng, không yêu cầu chia. Một đường điện sinh hoạt 20m trị giá 860.000đ, trụ cổng gạch bê tông trị giá 652.000đ và 02 cánh cổng bằng sắt trị giá 3.000.000đ.

- Đất ruộng: 2.308m$^2$ (gồm 5 thửa ruộng) (Giấy CNQSD đất số O 294247 do UBND huyện Hạ Hòa cấp ngày 26/12/1998 đứng tên cụ Vũ Thị Tần), trị giá 13.000.000đ. Cây chè A trồng trên 3 thửa đất do UBND xã Yên Kỳ quản lý, trị giá 7.500.000đ.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia diện tích đất thổ cư cụ Tần đã cho bà là 488m$^2$ đất vườn có trong nội dung của bản di chúc và công nhận di chúc của cụ Tần là hợp pháp. Về đất ruộng và các tài sản khác bà không yêu cầu chia. Ngoài ra bà không yêu cầu giải quyết các nội dung nào khác. Trong những tài sản đã được thẩm định và định giá, ngoài tài sản của cụ Liên, cụ Tần thì còn có 01 ngôi nhà gỗ 3 gian vách nứa lợp lá cọ do bà mua về dựng trên một phần đất của bố mẹ để lấy chỗ ở từ năm 1997; 01 giếng đào sâu 8m. Một đường điện sinh hoạt, trụ cổng và cánh cổng bằng sắt thì do bà và gia đình cùng làm (bà có công sức chính). Hiện di sản của cụ Liên, cụ Tần do bà quản lý, trông coi. Ông Lực đang sử dụng 01 thửa ruộng diện tích 504m$^2$ tại xứ Đồng Tràng, tờ bản đồ 22, thửa 300a.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Nguyễn Đức Hậu trình bày:* Đối với cụ Nguyễn Đình Liên (đã chết năm 1999), không để lại di chúc, theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, một phần di sản của cụ Liên để lại còn thời hiệu khởi kiện để chia thừa kế theo pháp luật. Bản di chúc cụ Tần lập ngày 10/4/2014 và bản di chúc cụ Tần lập ngày 18/01/2015 (có nội dung giống bản di chúc năm 2014) thể hiện đúng ý chí của người để lại di chúc. Cụ Tần chỉ được quyết định một phần tài sản của cụ trong khối tài sản chung với cụ Liên. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần di chúc. Cụ Tần đã chết năm 2015, phần di sản của cụ Tần để lại được chia theo di chúc. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà Dung quyền sử dụng 488m$^2$ đất vườn theo nội dung di chúc và các tài sản riêng của bà Dung tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 22, ở khu 11 xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

*Ông Nguyễn Đình Đảng, ông Nguyễn Quốc Lực và anh Nguyễn Đình Chung là bị đơn trong vụ án trình bày:*

Về mối quan hệ gia đình như bà Dung trình bày như trên là hoàn toàn đúng.

Các bị đơn đều xác định bố đẻ là cụ Nguyễn Đình Liên, mẹ đẻ là cụ Vũ Thị Tần có 8 người con đẻ (bà Minh đã chết 2009) như bà Dung trình bày ở trên. Năm 1997 sau khi bà Dung ly hôn đã về ở trên một phần đất của các cụ, ở riêng nhà do bà Dung mua về. Các anh chị em khác đều đã có gia đình và ở riêng. Bà Minh không lập gia đình ở cùng với hai cụ. Cụ Nguyễn Đình Liên chết năm 1999 không để lại di chúc. Cụ Vũ Thị Tần chết năm 2015. Sau khi cụ Tần chết, anh em trong gia đình đã tổ chức họp, trong đó có nội dung cắt một phần diện tích đất thổ cư là 100m$^2$ đất ở để bà Dung làm nhà ở nhưng bà Dung không đồng ý với nội dung biên bản phiên họp gia đình ngày 29/3/2015. Hôm đó có mặt đầy đủ 07 anh chị em là những người được thừa kế. Nay bà Dung yêu cầu Tòa án giải quyết di sản theo bản di chúc của cụ Tần năm 2014 thì các ông không đồng ý với lý do bản di chúc không hợp pháp, nội dung, hình thức không đúng quy định của pháp luật. Bản di chúc bà Dung đã nộp cho Tòa án được giàn dựng, không đúng ý chí của người để lại di chúc. Các ông không đề nghị chia di sản mà để lại làm sở hữu chung.

Các bị đơn xác định di sản của cụ Liên, cụ Tần để lại gồm đất thổ cư 1.088m$^2$; đất ruộng 5 thửa diện tích 2.038m$^2$; 01 ngôi nhà xây 4 gian lợp Proximang + 01 bếp 2 gian vách toocxi lợp proximang; 01 giếng sâu 11m + 01 bể xây + nhà tắm cùng cây cối lâm lộc trên đất như bà Dung đã trình bày và đã được Tòa án thẩm định và định giá. Trên đất thổ cư còn có 01 ngôi nhà gỗ 3 gian vách nứa lợp lá cọ do bà mua về dựng trên một phần đất của bố mẹ để lấy chỗ ở từ năm 1997 và 01 giếng đào sâu 8m là của riêng bà Dung.

*Ông Nguyễn Xuân Cộng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:* Ông xác định bố đẻ là cụ Nguyễn Đình Liên ( đã chết năm 1999), mẹ đẻ là cụ Vũ Thị Tần ( đã chết năm 2015) và có 8 anh em ruột (bà Minh đã chết 2009) như bà Dung trình bày. Xác định di sản do bố mẹ ông để lại như bà Dung trình bày nêu trên. Xác định bản di chúc của cụ Tần do chị Huế viết năm 2014 là đúng sự thực, vì trước đó mẹ ông có nhờ ông viết di chúc cho mẹ của ông nhưng ông từ chối, vì gia đình ông quá phức tạp, ông khuyên mẹ ông nhờ người khác, ông nhất trí với nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Dung. Đề nghị Tòa án chia di sản của mẹ ông theo di chúc năm 2014. Để đảm bảo quyền lợi cho bà Dung, phần còn lại ông không đề nghị chia di sản mà để lại làm sở hữu chung.

*Bà Nguyễn Thị Hạnh là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*Bà xác định bố đẻ là cụ Nguyễn Đình Liên ( đã chết năm 1999), mẹ đẻ là cụ Vũ Thị Tần ( đã chết năm 2015) và có 8 anh em ruột (bà Minh đã chết 2009) như bà Dung trình bày. Xác định di sản do bố mẹ bà để lại như bà Dung trình bày nêu trên. Bà không được chứng kiến việc mẹ của bà nhờ chị Huế viết bản di chúc nên bà không biết. Bà không đề nghị chia di sản mà để lại làm sở hữu chung.

*Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Lượng trình bày*: Bà không tranh chấp di sản thừa kế, không đòi hỏi quyền lợi gì. Bà ủy quyền cho ông Nguyễn Đình Đảng tiếp tục giải quyết vụ án.

*Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Như Phong trình bày*: Anh nhất trí với bản di chúc và các giấy tờ liên quan của cụ Tần để lại (Bút lục số 102, bản tự khai ngày 15/6/2018). Vì điều kiện đi làm ăn xa nên anh xin xét xử vắng mặt.

*Người làm chứng là ông Cung trình bày:* Ngày 20/01/2015, ông có đến nhà cụ Tần để ký xác nhận vào bản di chúc do cụ Tần lập ngày 18/01/2015. Ngày 18/01/2015, ông không có mặt khi cụ Tần lập di chúc. Đối với di chúc cụ Tần lập ngày 10/4/2014. Cụ Tần có nhờ chị Huế viết hộ và nhờ ông ra xác nhận vào bản di chúc. Ông có chứng kiến chị Huế viết bản di chúc. Sau khi chị Huế viết xong, ông ký xác nhận vào bản di chúc. Sau đó cụ Tần điểm chỉ vào bản di chúc bằng mực đen, do cụ Tần có lọ mực riêng. Vì thời gian đã lâu, ông không nhớ cụ thể nội dung di chúc.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số số: 05/2019/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ đã quyết định

Căn cứ vào Điều 688, Điều 623, 634, 631, 650 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử giao bà Nguyễn Thị Dung 488m$^2$ đất (trong đó có 94m$^2$ đất ở và 394m$^2$ đất vườn) trị giá = 42.912.800đ (Bốn mươi hai triệu chín trăm mười hai nghìn tám trăm đồng), trên phần đất có 01 ngôi nhà lợp lá cọ, 01 giếng sâu 8m (là tài sản riêng của bà Dung) và số cây trên phần đất của bà Dung thì bà được quyền sở hữu.

Có chỉ giới từ điểm 18, 19, 20, 21, 15, 22, 18, thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 22, ở khu 11 xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện Hạ Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/01/2015, đứng tên cụ Vũ Thị Tần.(Theo bản trích đo địa chính hiện trạng thửa đất số 80, tờ bản đồ số 22 và dự chia lập ngày 18/10/2018 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hạ Hòa).

Bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

[3] Tại biên bản xác minh ngày 17/6/2020 và bản trích đo địa chính hiện trạng thửa đất số 80, tờ bản đồ số 22 ngày 19/6/2020 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hạ Hòa phần diện tích đất tăng thêm là 303,3m$^2$ theo hiện trạng sử dụng đất là do sai số khi đo đạc, đủ điều kiện cấp chứng nhận quyền sử dụng đất nên là di sản thừa kế. Như vậy di sản thừa kế hiện nay là: Đất thổ cư: 1.391,3m$^2$ (trong đó 300m$^2$ đất ở, 1091,3m$^2$ đất vườn ) tại thửa số 80, tờ bản đồ số 22 – khu 11 xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa (Giấy CNQSD đất số BV509485 do UBND huyện Hạ Hòa cấp ngày 15/01/2015 đứng tên cụ Vũ Thị Tần), trị giá 139.786.483đ (trong đó đất ở trị giá 60.000.000đ, đất vườn trị giá 48.225.600đ ).

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn ông Nguyễn Đình Đảng, ông Nguyễn Quốc Lực giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như quan điểm của các bị đơn tại phiên tòa sơ thẩm, bản di chúc không hợp pháp, nội dung, hình thức không đúng quy định của pháp luật. Bản di chúc bà Dung đã nộp cho Tòa án được giàn dựng,

không đúng ý chí của người để lại di chúc. Các ông không đề nghị chia di sản mà để lại làm sở hữu chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà Dung quyền sử dụng 514,5m$^2$ đất vườn theo bản trích đo địa chính hiện trạng thửa đất số 80, tờ bản đồ số 22 ngày 19/6/2020 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hạ Hòa và các tài sản riêng của bà Dung tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 22, ở khu 11 xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bà Dung có công trong việc chăm sóc bà Tần, bảo quản di sản, có công sức đóng góp vào khối di sản, căn cứ vào biên bản xác minh ngày 17/6/2020 và bản trích đo địa chính hiện trạng thửa đất số 80, tờ bản đồ số 22 ngày 19/6/2020 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hạ Hòa, giao cho bà Dung 514,5m$^2$ đất (trong đó có 100m$^2$ đất ở và 414,5m$^2$ đất vườn) trị giá = 45.367.000đ (Bốn mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), trên phần đất này có 01 ngôi nhà gỗ 03 gian vách nứa, lợp lá cọ, 01 giếng sâu 08m (là tài sản riêng của bà Dung) phù hợpvới thực tế sử dụng đất và đáp ứng hoàn cảnh của bà Dung hiện nay. Bà Dung phải thanh toán chênh lệch tài sản cho cá thừa kế khác là 7.099.000đ (Bảy triệu không trăm chín mươi chín nghìn đồng).

- Giao cho ông Nguyễn Đình Đảng, ông Nguyễn Xuân Cộng, ông Nguyễn Quốc Lực, bà Nguyễn Thị Lượng, ông Nguyễn Đình Chung và bà Nguyễn Thị Hạnh là các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất: 200m$^2$ đất ở và 676,8m$^2$ đất vườn còn lại, trị giá 94.419.483đ (Chín mươi tư triệu bốn trăm mười chín nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng), làm sở hữu chung. Trên phần đất này có 01 nhà xây 4 gian lợp Proximang, sườn gỗ, xây tường bao quanh bằng gạch chỉ, trị giá: 40.000.000đ. 01 nhà bếp bằng gỗ 2 gian lợp Proximang, sườn gỗ, vách toocxi, trị giá 500.000đ. 01 sân láng vữa xi măng, trị giá 300.000đ. 01 giếng đào chiều sâu 11m kè gạch chỉ, xây tang, trị giá 6.000.000đ. 01 bể xây gạch chỉ + nhà tắm , trị giá 2.000.000đ. Trên đất có một số cây lâm lộc: cây xoài, cây chay, cây bưởi, cây xoan, cây cọ, 02 búi tre giá trị nhỏ. Một đường điện sinh hoạt 20m trị giá 860.000đ, trụ cổng gạch bê tông trị giá 652.000đ và 02 cánh cổng bằng sắt trị giá 3.000.000đ

Về đất ruộng: 2.308m$^2$ (gồm 5 thửa ruộng) (Giấy CNQSD đất số O 294247 do UBND huyện Hạ Hòa cấp ngày 26/12/1998 đứng tên cụ Vũ Thị Tần) các đương sự đều không yêu cầu chia nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp chia di sản thừa kế" và thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại

Điều 26, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự là đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo trong thời hạn luật định được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự xét yêu cầu kháng cáo của các bị đơn ông Nguyễn Đình Đảng và ông Nguyễn Quốc Lực đối với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dânhuyện Hạ Hòa tỉnh Phú Thọ thấy rằng:

- Về di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đình Liên, mẹ đẻ là cụ Vũ Thị Tần để lại gồm có các tài sản sau:

Đất thổ cư: 1.391,3m$^2$ (trong đó 300m$^2$ đất ở, 1091,3m$^2$ đất vườn) tại thửa số 80, tờ bản đồ số 22 – khu 11 xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa trị giá 139.786.483đ (trong đó đất ở trị giá 60.000.000đ, đất vườn trị giá 48.225.600đ ).

01 nhà xây 4 gian lợp Proximang, sườn gỗ, xây tường bao quanh bằng gạch chỉ, trị giá: 40.000.000đ. 01 nhà bếp bằng gỗ 2 gian lợp Proximang, sườn gỗ, vách toocxi, trị giá 500.000đ. 01 sân láng vữa xi măng, trị giá 300.000đ. 01 giếng đào chiều sâu 11m kè gạch chỉ, xây tang, trị giá 6.000.000đ. 01 bể xây gạch chỉ + nhà tắm , trị giá 2.000.000đ. Trên đất có một số cây lâm lộc: cây xoài, cây chay, cây bưởi, cây xoan, cây cọ, 02 búi tre giá trị nhỏ. Một đường điện sinh hoạt 20m trị giá 860.000đ, trụ cổng gạch bê tông trị giá 652.000đ và 02 cánh cổng bằng sắt trị giá 3.000.000đ.

Đất ruộng: 2.308m$^2$ (gồm 5 thửa ruộng) (Giấy CNQSD đất số O 294247 do UBND huyện Hạ Hòa cấp ngày 26/12/1998 đứng tên cụ Vũ Thị Tần), trị giá 13.000.000đ. Cây chè A trồng trên 3 thửa đất do UBND xã Yên Kỳ quản lý, trị giá 7.500.000đ.

Bà Dung khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia diện tích đất thổ cư cụ Tần đã cho bà là 488m$^2$ đất vườn có trong nội dung của bản di chúc và công nhận di chúc của cụ Tần là hợp pháp. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Dung nhưng không chấp nhận chia theo di chúc mà chia theo pháp luật. Do bà Dung đề nghị chia thừa kế phần đất ở, đất vườn vì vậy chia cho bà Dung một phần đất ở, đất vườn để đảm bảo quyền lợi cho bà Dung có chỗ ở ổn định. Nhưng tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh và xem xét thẩm định tại chỗ khi chia thừa kế theo pháp luật được áp dụng trong trường hợp di chúc không hợp pháp.

[3] Tại biên bản xác minh ngày 17/6/2020 và bản trích đo địa chính hiện trạng thửa đất số 80, tờ bản đồ số 22 ngày 19/6/2020 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hạ Hòa phần diện tích đất tăng thêm là 303,3m$^2$ theo hiện trạng sử dụng đất là do sai số khi đo đạc,đủ điều kiện cấp chứng nhận quyền sử dụng đất nên là di sản thừa kế. Như vậy di sản thừa kế của cụ Liên và cụ Tần hiện nay là:

Đất thổ cư 1.391,3m$^2$ (trong đó 300m$^2$ đất ở, 1091,3m$^2$ đất vườn) tại thửa số 80, tờ bản đồ số 22 – khu 11 xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa (Giấy CNQSD đất số BV509485 do UBND huyện Hạ Hòa cấp ngày 15/01/2015 đứng tên cụ Vũ Thị

Tần), trị giá 139.786.483đ (trong đó đất ở trị giá 60.000.000đ, đất vườn trị giá 48.225.600đ ).

01 nhà xây 4 gian lợp Proximang, sườn gỗ, xây tường bao quanh bằng gạch chỉ, trị giá: 40.000.000đ. 01 nhà bếp bằng gỗ 2 gian lợp Proximang, sườn gỗ, vách toocxi, trị giá 500.000đ. 01 sân láng vữa xi măng, trị giá 300.000đ. 01 giếng đào chiều sâu 11m kè gạch chỉ, xây tang, trị giá 6.000.000đ. 01 bể xây gạch chỉ + nhà tắm , trị giá 2.000.000đ. Trên đất có một số cây lâm lộc: cây xoài, cây chay, cây bưởi, cây xoan, cây cọ, 02 búi tre giá trị nhỏ. Một đường điện sinh hoạt 20m trị giá 860.000đ, trụ cổng gạch bê tông trị giá 652.000đ và 02 cánh cổng bằng sắt trị giá 3.000.000đ.

Đất ruộng: 2.308m$^2$ (gồm 5 thửa ruộng) (Giấy CNQSD đất số O 294247 do UBND huyện Hạ Hòa cấp ngày 26/12/1998 đứng tên cụ Vũ Thị Tần), trị giá 13.000.000đ. Cây chè A trồng trên 3 thửa đất do UBND xã Yên Kỳ quản lý, trị giá 7.500.000đ.

- Di sản thừa kế đương sự khởi kiện yêu cầu chia chỉ gồm diện tích đất ở và đất vườn: 1.391,3m$^2$ (trong đó 300m$^2$ đất ở, 1091,3m$^2$ đất vườn).

+ Đất ở 300m$^2$ x 200.000đ/1m$^2$ = 60.000.000đ;

+ Đất vườn 1091,3m$^2$ x 61.199đ/1m$^2$ = 66.786.468đ;

Tổng cộng là: 126.786.468đ : 7 (kỷ phần) =18.112.352đ.

Xét thấy bà Dung có công trong việc chăm sóc bà Tần, bảo quản di sản, có công sức đóng góp vào khối di sản, căn cứ vào biên bản xác minh ngày 17/6/2020 và bản trích đo địa chính hiện trạng thửa đất số 80, tờ bản đồ số 22 ngày 19/6/2020 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hạ Hòa vì vậy chia cho bà Dung 514,5m$^2$ đất (trong đó có 100 m$^2$ đất ở và 414,5m$^2$ đất vườn), trên phần đất này có 01 ngôi nhà gỗ 03 gian vách nứa, lợp lá cọ, 01 giếng sâu 08m (là tài sản riêng của bà Dung). Phần diện tích đất bà Dung được sử dụng thì phần đất bà Dung được chia thừa kế nhiều hơn so với các phần thừa kế khác. Lẽ ra bà Dung phải thanh toán chênh lệch về giá trị tài sản thừa kế cho 06 kỷ phần khác; nhưng xét thấy bà Dung có công sức chăm sóc bà Tần, bảo quản di sản nên không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho các đồng thừa kế khác là phù hợp .

Về quyền sử dụng đất 200m$^2$ đất ở và 676,8m$^2$ đất vườn còn lại trị giá 94.419.483đ (Chín mươi tư triệu bốn trăm mười chín nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng), thuộc quyền sử dụng chung của ông Nguyễn Đình Đảng, ông Nguyễn Xuân Cộng, ông Nguyễn Quốc Lực, bà Nguyễn Thị Lượng, ông Nguyễn Đình Chung và bà Nguyễn Thị Hạnh là các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Các đương sự này không đề nghị chia mà đều để lại làm sở hữu chung là ý chí tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với đất ruộng: 2.308m$^2$ (gồm 5 thửa ruộng) (Giấy CNQSD đất số O 294247 do UBND huyện Hạ Hòa cấp ngày 26/12/1998 đứng tên cụ Vũ Thị Tần), trị giá 13.000.000đ. Cây chè A trồng trên 3 thửa đất do UBND xã Yên Kỳ quản lý, trị giá 7.500.000đ. Các đương sự đều không yêu cầu chia nên không xem xét.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5] Những nội dung khác của bản án không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, 7 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1] Chấp nhận một phần kháng cáo của Ông Nguyễn Đình Đ, Ông Nguyễn Quốc L. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ

[2] Căn cứ vào Điều 688, Điều 623, 631, 634, điểm b khoản 1 Điều 650, Điều 651 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[3] Bà Nguyễn Thị D được quyền sử dụng diện tích đất 514,5m$^2$ đất (trong đó có 100m$^2$ đất ở và 414,5m$^2$ đất vườn) trị giá = 45.367.000đ (Bốn mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng), trên phần đất có 01 ngôi nhà lợp lá cọ, 01 giếng sâu 8m (là tài sản riêng của bà Dung) và số cây trên phần đất của bà Dung thì bà được quyền sở hữu.

Có chỉ giới từ điểm 9,10,11,12.13,14,15,22,23,9, thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 22, ở khu 11 xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện Hạ Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/01/2015, đứng tên bà Vũ Thị Tần (Theo bản trích đo địa chính hiện trạng thửa đất số 80, tờ bản đồ số 22 ngày 19/6/2020 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hạ Hòa).

[4] Ông Nguyễn Đình Đ, ông Nguyễn Xuân C, ông Nguyễn Quốc L, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị H. được quyền sử dụng diện tích đất 876,8m$^2$ (trong đó có 200m$^2$ đất ở và 876,8m$^2$ đất vườn) trị giá = 94.419.483đ (Chín mươi tư triệu bốn trăm mười chín nghìn bốn trăm tám mươi ba đồng), công trình và số cây trên phần đất được quyền sở hữu chung gồm: 01 nhà xây 4 gian lợp Proximang, sườn gỗ, xây tường bao quanh bằng gạch chỉ, trị giá: 40.000.000đ. 01 nhà bếp bằng gỗ 2 gian lợp Proximang, sườn gỗ, vách toocxi, trị giá 500.000đ. 01 sân láng vữa xi măng, trị giá 300.000đ. 01 giếng đào chiều sâu 11m kè gạch chỉ, xây tang, trị giá 6.000.000đ. 01 bể xây gạch chỉ + nhà tắm , trị giá 2.000.000đ. Trên đất có một số cây lâm lộc: cây xoài, cây chay, cây bưởi, cây xoan, cây cọ, 02 búi tre giá trị nhỏ nên giữ nguyên hiện trạng, không yêu cầu chia. Một đường điện sinh hoạt 20m trị giá 860.000đ, trụ cổng gạch bê tông trị giá 652.000đ và 02 cánh cổng bằng sắt trị giá 3.000.000đ.

Có chỉ giới từ điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,23,18,22,16,17,1, thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 22, ở khu 11 xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện Hạ Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/01/2015, đứng tên cụ Vũ Thị Tần (Theo bản trích đo địa chính hiện trạng thửa đất số 80, tờ bản đồ số 22 ngày 19/6/2020 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hạ Hòa).

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND huyện Hạ Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, AV, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Kim Ái**

Có chỉ giới từ điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,23,18,22,16,17,1, thuộc thửa đất số 80, tờ bản đồ số 22, ở khu 11 xã Yên Kỳ, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ, đã được UBND huyện Hạ Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/01/2015, đứng tên cụ Vũ Thị Tần (Theo bản trích đo địa chính hiện trạng thửa đất số 80, tờ bản đồ số 22 ngày 19/6/2020 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hạ Hòa).

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, không kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể  từ ngày tuyên án./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hà Giang** **Phạm Văn Toàn** **Nguyễn Kim Ái**